

Số: 44 /2024/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,
Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng
số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là
thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm
nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15
ngày 18 tháng 01 năm 2024.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại đối
với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản nuôi thâm canh được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản nuôi bán thâm canh: Bằng 50% đơn giá bồi thường tương ứng thủy sản nuôi thâm canh được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trường hợp nuôi xen canh nhiều thủy sản khác nhau trên cùng diện tích thì số lượng được quy đổi cho thủy sản nuôi chính có tỷ lệ thả nuôi lớn nhất và mức bồi thường thiệt hại được tính như thủy sản nuôi bán thâm canh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 11 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm đếm, phân loại và xác định mức giá bồi thường cụ thể, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Lâm Đồng;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN NUÔI THÂM CANH

TT	Loại thủy sản	Mật độ nuôi (con/m ²)	Tỷ lệ sống (%)	Thời gian nuôi đến khi thu hoạch (tháng)	Khối lượng bình quân khi thu hoạch (kg/con)	Giá trung bình (đồng/kg)	Giá trị sản lượng khi thu hoạch (đồng/m ²)	Đơn giá bồi thường theo thời gian nuôi (đồng/m ²)										
								< 3 tháng	≥3 đến < 4 tháng	≥4 đến < 5 tháng	≥ 5 đến < 6 tháng	≥ 6 đến < 7 tháng	≥ 7 đến < 8 tháng	≥ 8 đến < 9 tháng	≥ 9 đến < 10 tháng	≥ 10 đến < 11 tháng	≥ 11 đến < 12 tháng	≥ 12 tháng
I Thủy sản nuôi dưới 7 tháng																		
1	Cá rô đồng	50	80	04	0,08	42.406	135.699	61.065	74.635									
2	Cá quả (cá lóc bông)	10	70	05	0,5	68.949	241.322	108.595	132.727	156.859								
3	Cá rô phi	03	70	07	0,5	34.553	36.281	16.326	19.954	23.582	27.210	29.025						
4	Tôm càng xanh	15	50	06	0,03	199.309	44.845	20.180	24.664	29.149	33.633							
5	Ếch	60	60	04	0,2	88.268	635.530	285.988	349.541									
II Thủy sản nuôi từ 7 tháng trở lên																		
1	Cá chép/cá trôi/cá mè/cá trắm cỏ	06	70	10	0,6	46.019	115.968	34.790	40.589	46.387	52.186	57.984	63.782	69.580,7	75.379			
2	Cá chim trắng	03	70	08	0,8	38.637	64.910	19.473	22.719	25.964	29.210	32.455	35.701	38.946	42.192			
3	Cá tầm	03	70	12	1,5	285.849	900.424	270.127	315.149	360.170	405.191	450.212	495.233	540.255	585.276	630.297	675.318	
4	Cá hồi	03	70	12	1,2	285.849	720.339	216.102	252.119	288.136	324.153	360.170	396.187	432.204	468.221	504.238	540.255	
5	Lươn	60	60	10	0,3	117.795	1.272.186	381.656	445.265	508.874	572.484	636.093	699.702	763.312	826.921			
6	Baba	02	70	15	1,2	345.532	580.494	174.148	203.173	232.198	261.222	290.247	319.272	348.296	377.321	406.346	435.370	464.395
7	Cá chình	10	70	12	0,8	201.665	1.129.324	338.797	395.263	451.730	508.196	564.662	621.128	677.594	734.061	790.527	846.993	